

Các bài văn mẫu Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### ***Dàn ý Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo chi tiết***

#### 1. Mở bài

Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và tác phẩm Bình Ngô đại cáo.

#### 2. Thân bài:

##### 2.1. Tác giả Nguyễn Trãi:

###### a. Thân thế, cuộc đời:

- Nguyễn Trãi (1380-1442), tên hiệu làỨc Trai, quê gốc ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau đó dời đến Định Khê, Thường Tín, Hà Nội.

- Xuất thân trong một gia đình danh giá, cha là Nguyễn Phi Khanh, đã từng đỗ thái học sinh (tiến sĩ) dưới thời nhà Trần, mẹ là Trần Thị Thái con của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán.

- Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ thái học sinh và cùng cha ra làm quan dưới triều nhà Hồ, năm 1407 nhà Hồ sụp đổ, giặc Minh xâm lược nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt giải về Trung Quốc, còn Nguyễn Trãi bị giam lỏng tại thành Đông Quan.

- 1417, gia nhập nghĩa quân Lam Sơn, trở thành quân sư cho Lê Lợi, đóng góp nhiều công lao to lớn giúp nghĩa quân chiến thắng giặc Minh và lập ra nhà Hậu Lê.

- Nhà Hậu Lê thành lập không bao lâu thì gặp phải cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, nội bộ đất nước xảy ra mâu thuẫn => Nguyễn Trãi bị nghi ngờ và không được tin dùng trong suốt 10 năm trời.

- Năm 1440 lại được vua Lê Thái Tông mời ra giúp nước.

- Năm 1442 thảm án Lệ chi viên ập xuống, dẫn đến kết cục vô cùng bi đát - Nguyễn Trãi phải chịu tội tru di tam tộc.

###### b. Sự nghiệp sáng tác:

\* Các tác phẩm chính trong các lĩnh vực:

- Lịch sử: Văn bia Vĩnh Lăng, Lam Sơn thực lục ghi lại kể lại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Chính trị quân sự có Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo.

- Địa lý: Du địa chí - cuốn sách địa lý cổ nhất Việt Nam.

- Văn học:

+ Chữ Hán: Ưc Trai thi tập

+ Chữ Nôm: Quốc âm thi tập - cuốn sách viết bằng tiếng Việt đầu tiên còn lại cho đến ngày hôm nay.

\* Nhà văn chính luận kiệt xuất:

- Để lại một số lượng tác phẩm khá lớn, ngoài Quân trung từ mệnh tập và Bình Ngô đại cáo đã kể trên, người ta còn sưu tập được khoảng 28 tác phẩm thuộc các thể loại chiếu, biểu, ... dưới triều Lê.

- Nội dung tư tưởng chủ đạo xuyên suốt là nhân nghĩa, yêu nước và thương dân.

- Đặc sắc nghệ thuật: Kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, sử dụng các bút pháp linh hoạt tùy theo mục đích, yêu cầu, đối tượng.

\* Nhà thơ trữ tình sâu sắc:

- Các tác phẩm hiện còn gồm hai tập thơ Ưc Trai thi tập và Quốc âm thi tập

- Nội dung:

+ Ghi lại hình ảnh người anh hùng vĩ đại Nguyễn Trãi: Lý tưởng nhân nghĩa, yêu nước thương dân; ý chí chống ngoại xâm và cường quyền bạo lực; các phẩm chất tốt đẹp tượng trưng cho người quân tử.

+ Trong tư cách là một con người trần thế, ông hiện lên với những đặc điểm của một con người đời thường giản dị, ông đau đớn trước nghịch cảnh éo le của xã hội cũ, trước thói đời bạc bẽo, nham hiểm, ông cũng có những tình yêu sâu sắc với thiên nhiên, đất nước con người và cuộc sống, đồng thời thể hiện cả những tình nghĩa giữa cha con, vua tôi, bạn bè rất sâu nặng.

2.2. Tác phẩm Bình Ngô đại cáo:

**a. Hoàn cảnh ra đời:**

- Ra đời vào thời điểm cuối năm 1427, đầu năm 1428 sau khi nghĩa quân Lam Sơn tiêu diệt được 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông đang cố thủ trong thành Đông Quan đã phải xin giảng hòa và rút quân về nước.
- Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo để chiếu cáo với thiên hạ rằng chúng ta đã giành lại độc lập dân tộc, tuyên ngôn độc lập, mở ra một trang mới cho lịch sử nước nhà.

**b. Ý nghĩa nhan đề:**

- "Bình Ngô", tức là bình định quân Minh xâm lược, dẹp yên giặc dữ (bởi vua Minh vốn là người nước Ngô, đại diện cho một đất nước, đại diện cho cả một dân tộc. Theo một cách lý giải khác giặc Ngô còn là tên gọi chung để chỉ thứ giặc đến từ phương Bắc với các đặc điểm chung là tàn ác và vô nhân đạo).
- Hai chữ "đại cáo" tức là bản cáo lớn, thể hiện tầm quan trọng của sự kiện cần tuyên bố, cũng như khẳng định tư tưởng lớn của dân tộc.
- Khái niệm "cáo": (Tham khảo sách giáo khoa)

**c. Bố cục:**

Đoạn 1 là nêu luận đề chính nghĩa, đoạn 2 vạch rõ tội ác của kẻ thù, phần 3 kể lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa, đoạn 4 là phần tuyên bố chiến quả khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.

**d. Nội dung:**

- Đoạn 1: Nêu ra luận đề chính nghĩa với hai cơ sở lớn:
  - + Tư tưởng nhân nghĩa "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", lấy nhân dân làm gốc, thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân, một lòng vì nhân dân.
  - + Khẳng định chủ quyền của dân tộc thông qua nhiều khía cạnh khác nhau bao gồm: Văn hiến, ranh giới lãnh thổ, lịch sử đấu tranh, triều đại trị vì và phong tục tập quán.
- Đoạn 2: Nêu nên tính chất phi nghĩa của quân Minh xâm lược và tội ác của chúng trên đất nước ta:

+ Lấy danh nghĩa phù Trần diệt Hồ để dẫn quân vào xâm lược nước ta.

+ Tàn sát giết hại đồng bào một cách dã man, ra sức bóc lột thuế khóa, đàn áp vắt kiệt sức lao động, đẩy nhân dân ta vào chỗ nguy hiểm, dùng mọi thủ đoạn vơ vét tài nguyên sản vật, phá hoại tài nguyên cây cỏ, phá hoại cả nền nông nghiệp của nhân dân ta.

- Đoạn 3:

+ Tái hiện lại tài năng nhân phẩm và ý chí của chủ soái Lê Lợi.

+ Kể lại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn qua nhiều giai đoạn.

- Đoạn 4:

+ Tuyên bố thắng lợi, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc, tính chất chính nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Rút ra bài học lịch sử cho dân tộc dựa trên tư tưởng mệnh trời, quy luật của tạo hóa trong ngũ hành, bát quái, Kinh dịch:

e. Nghệ thuật:

- Kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và chất văn chương nghệ thuật.

- Yếu tố chính luận thể hiện ở kết cấu chặt chẽ của tác phẩm, lập luận sắc bén, lời văn đanh thép, hùng hồn.

- Chất văn chương nghệ thuật lời văn rất giàu cảm xúc, xen lẫn giữa những đoạn thuật lại một cách khách quan, là những đoạn bộc lộ cảm xúc trực tiếp của tác giả. Câu văn rất giàu hình tượng nghệ thuật sinh động tạo ra sức mạnh gợi cảm, gợi tả lớn, vận dụng cả sự hiểu biết của mình về các điển tích điển cố, lịch sử.

3. Kết bài:

Nêu cảm nhận chung.



## ***Top 4 bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo chọn lọc, hay nhất***

Những bài làm văn mẫu Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

### **Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1**

Nguyễn Trãi được xếp vào 1 trong 14 vị anh hùng dân tộc, đồng thời là 1 trong 3 tác giả của Việt Nam được tổ chức UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới cùng với Nguyễn Du và Hồ Chí Minh. Ông là bậc khai quốc công thần của nhà Hậu Lê, là nhà quân sự, chính trị lỗi lạc và kiệt xuất, có nhiều công lao to lớn khi tham gia tích cực vào khởi nghĩa Lam Sơn, giúp Lê Lợi chiến thắng giặc Minh xâm lược. Trong suốt cuộc đời mình Nguyễn Trãi có nhiều công tích vẻ vang thế nhưng rốt cuộc cuối đời lại vướng vào nỗi oan mưu phản giết vua, phải chịu chết trong oan ức. Về sự nghiệp sáng tác, Nguyễn Trãi có khá nhiều tác phẩm nổi tiếng, trong đó Bình Ngô đại cáo nổi danh là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của nước ta, được xem áng thiên cổ hùng văn, là mẫu mực của thể loại cáo trong văn học trung đại, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, chính trị, ngoại giao, giá trị tư tưởng của người viết và cả giá trị văn học cho đến ngày hôm nay.

Nguyễn Trãi (1380-1442), tên hiệu là Úc Trai, quê gốc ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau đó dời đến Định Khê, Thường Tín, Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình danh giá, cả họ nội và ngoại đều có truyền thống yêu nước và truyền thống văn học, cha là Nguyễn Ứng Long (sau đổi tên là Nguyễn Phi Khanh), đã từng đỗ thái học sinh (tiến sĩ) dưới thời nhà Trần, mẹ là Trần Thị Thái con của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Thuở nhỏ Nguyễn Trãi phải gánh chịu nhiều mất mát, năm 5 tuổi thì mẹ mất, năm 10 tuổi thì ông ngoại qua đời. Đến năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ thái học sinh và cùng cha ra làm quan dưới triều nhà Hồ, tuy nhiên, năm 1407 nhà Hồ sụp đổ, giặc Minh xâm lược nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt giải về Trung Quốc, còn Nguyễn Trãi bị giam lỏng tại thành Đông Quan trong khoảng 10 năm trời. Sau đó, ông trốn thoát và tìm đến gia nhập nghĩa quân Lam Sơn, trở thành quân sư cho Lê Lợi, đóng góp nhiều công lao to lớn giúp nghĩa quân chiến thắng giặc Minh và lập ra nhà Hậu Lê. Cuối năm 1427 đầu năm 1428 Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo chiếu cáo thiên hạ thắng lợi của nghĩa quân, cũng như mở ra kỷ nguyên mới độc lập của dân tộc. Tuy nhiên nhà Hậu Lê thành lập không bao lâu thì gặp phải cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, nội bộ đất nước xảy ra mâu thuẫn, chia bè kéo phái, dẫn đến việc nhiều bậc công thần trong đó có Nguyễn Trãi bị nghi ngờ và không được tin dùng trong suốt 10 năm trời. Khiến ông bất đắc chí và năm 1439 xin về ở ẩn ở Côn Sơn, nhưng ngay sau đó

năm 1440 lại được vua Lê Thái Tông mời ra giúp nước. Trong lúc Nguyễn Trãi đang hăng hái hết lòng kiến thiết, canh tân đất nước thì năm 1442 thảm án Lê chi viên ập xuống, dẫn đến kết cục vô cùng bi đát - Nguyễn Trãi phải chịu tội tru di tam tộc.

Về sự nghiệp thơ văn, Nguyễn Trãi vừa là nhà văn chính luận kiệt xuất cũng vừa là một nhà thơ trữ tình sâu sắc, đây là hai mảng sáng tác lớn nhất trong các sáng tác của Nguyễn Trãi. Ông để lại một số lượng lớn tác phẩm trong nhiều lĩnh vực và ở lĩnh vực nào nó cũng đạt đến trình độ xuất sắc. Trong lĩnh vực lịch sử có Văn bia Vĩnh Lăng, Lam Sơn thực lục ghi lại kể lại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; trong lĩnh vực chính trị quân sự có Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo; trong lĩnh vực địa lý ông để lại cuốn Du địa chí - được đánh giá là cuốn sách địa lý cổ nhất Việt Nam. Ở thể loại văn học, các sáng tác bằng chữ Hán có cuốn Ưc Trai thi tập, sáng tác bằng chữ Nôm có tập Quốc âm thi tập - cuốn sách viết bằng tiếng Việt đầu tiên còn lại cho đến ngày hôm nay. Từ số lượng tác phẩm lớn, đa dạng và phong phú trong nhiều lĩnh vực có thể thấy rằng Nguyễn Trãi là một người vô cùng tài giỏi và có vốn hiểu biết rộng lớn, xứng danh là bậc đại thi hào của dân tộc Việt Nam ta.

Với tư cách là một nhà văn chính luận kiệt xuất, ông cũng để lại một số lượng tác phẩm khá lớn, ngoài Quân trung từ mệnh tập và Bình Ngô đại cáo đã kể trên, người ta còn sưu tập được khoảng 28 tác phẩm thuộc các thể loại chiếu, biểu, ... dưới triều Lê. Nội dung tư tưởng chủ đạo xuyên suốt là nhân nghĩa, yêu nước và thương dân, đặc sắc nghệ thuật nằm ở kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, sử dụng các bút pháp linh hoạt tùy theo mục đích, yêu cầu, đối tượng. Thêm nữa, tất cả các tác phẩm văn chính luận của Nguyễn Trãi đều được đánh giá là áng văn chính luận mẫu mực.

Với tư cách là một nhà thơ trữ tình sâu sắc, các tác phẩm hiện còn gồm hai tập thơ Ưc Trai thi tập và Quốc âm thi tập như đã kể trên, nội dung bao hàm chủ yếu là ghi lại hình ảnh Nguyễn Trãi vừa là anh hùng vĩ đại vừa là con người trần thế. Tư cách người anh hùng vĩ đại hiện lên thông qua: Lý tưởng nhân nghĩa, yêu nước thương dân; ý chí chống ngoại xâm và cường quyền bạo lực; các phẩm chất tốt đẹp tượng trưng cho người quân tử hướng đến mục đích giúp nước giúp dân bao gồm dáng đứng ngay thẳng cứng cỏi của cây trúc, vẻ thanh tao trong trắng của cây mai, và sức sống khỏe khoắn của cây tùng. Trong tư cách là một con người trần thế, ông hiện lên với những đặc điểm của một con người đời thường giản dị, ông đau đớn trước nghịch cảnh éo le của xã hội cũ, trước thói đời bạc bẽo, nham hiểm, ông cũng có những tình yêu sâu sắc với thiên nhiên, đất nước con người và cuộc sống, đồng thời thể hiện cả những tình nghĩa giữa cha con, vua tôi, bạn bè rất sâu nặng.

Tổng kết lại Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV là một hiện tượng văn học kết tinh của truyền thống văn học Lý - Trần và cũng mở ra một giai đoạn phát triển mới cho văn học trung đại. Văn chương của ông hội tụ hai nguồn cảm hứng lớn của văn học dân tộc là yêu nước và nhân đạo, có đóng góp lớn trên cả hai bình diện là thể loại và ngôn ngữ.

Về Bình Ngô đại cáo, tác phẩm ra đời vào thời điểm cuối năm 1427, đầu năm 1428 sau khi nghĩa quân Lam Sơn tiêu diệt được 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông đang cố thủ trong thành Đông Quan đã phải xin giảng hòa và rút quân về nước. Trước thắng lợi vang dội của nghĩa quân, Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo để chiêu cáo với thiên hạ rằng chúng ta đã giành lại độc lập dân tộc, tuyên ngôn độc lập, mở ra một trang mới cho lịch sử nước nhà. Bản cáo được ban bố vào đầu năm 1428. Về ý nghĩa nhan đề, sở dĩ gọi là "Bình Ngô đại cáo", bởi vua Minh vốn là người nước Ngô, mà trong chế độ quân chủ chuyên chế, vua tức là đại diện cho một đất nước, đại diện cho cả một dân tộc và chế độ của nước đó. Nguyễn Trãi viết "Bình Ngô", tức là bình định quân Minh xâm lược, dẹp yên giặc dữ. Theo một cách lý giải khác nữa thì trong thời kỳ tam quốc phân tranh Ngụy-Thục-Ngô, thì Ngô là nước đã cai trị nước ta bằng những biện pháp vô cùng hung bạo và tàn nhẫn, khiến nhân dân đói khổ làm than, vậy nên giặc Ngô còn là tên gọi chung để chỉ thứ giặc đến từ phương Bắc với các đặc điểm chung là tàn ác và vô nhân đạo. Hai chữ "đại cáo" tức là bản cáo lớn, thể hiện tầm quan trọng của sự kiện cần tuyên bố, cũng như khẳng định tư tưởng lớn của dân tộc, đóng vai trò là xương sống: "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo" vốn xuyên suốt trong tác phẩm. Bên cạnh đó được biết "đại cáo" là một trong những thể loại văn bản pháp luật chính thức của nhà Minh, Nguyễn Trãi viết theo thể này, mục đích là khẳng định tính chất pháp lý của việc cần tuyên bố, không chỉ là hướng tới nhân dân Đại Việt mà còn có ý nghĩa chính trị hướng tới nhà Minh. Là một biện pháp thông minh, khẳng định sự ngang hàng về tầm vóc lịch sử, chính trị, sự tách biệt về lãnh thổ, văn hóa, nhà Minh có thể dùng "đại cáo" chiêu cáo thiên hạ, thì Đại Việt ta cũng có thể dùng nó để ban bố, tuyên ngôn về chủ quyền dân tộc một cách đanh thép, chuyên chính có giá trị tương đương với "đại cáo" của nhà Minh. Về thể loại "cáo", đây là một thể văn nghị luận có từ thời cổ ở Trung Quốc, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng, để trình bày một chủ trương một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện để mọi người cùng biết. Được phân ra làm 2 loại phổ biến, thứ nhất là loại văn cáo thường ngày, thứ hai là "đại cáo" mang tính chất quốc gia, có ý nghĩa trọng đại. Về đặc trưng, cáo có thể được viết bằng văn xuôi hay văn vần, nhưng chủ yếu là văn biền ngẫu, không có vần hoặc có vần, thường có đối dài ngắn không gò bó, mỗi cặp 2 vế đối nhau. Đây là thể văn hùng biện nên lời lẽ phải đanh thép, lý luận phải sắc bén, kết cấu bố cục phải chặt chẽ mạch lạc.

Về bố cục, Bình Ngô đại cáo cũng tuân thủ theo bố cục của các văn bản chính luận khác. Đoạn 1 là nêu luận đề chính nghĩa, đoạn 2 vạch rõ tội ác của kẻ thù, phần 3 kể lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa, đoạn 4 là phần tuyên bố chiến quả khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.

Ở đoạn đầu tiên Nguyễn Trãi đi vào nêu ra luận đề chính nghĩa với hai cơ sở lớn, một là tư tưởng nhân nghĩa "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/Quân điều phạt trước lo trừ bạo", lấy nhân dân làm gốc, thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân, một lòng vì nhân dân. Hai là khẳng định chủ quyền của dân tộc thông qua nhiều khía cạnh khác nhau bao gồm: Văn hiến, ranh giới lãnh thổ, lịch sử đấu tranh, triều đại trị vì và phong tục tập quán. Sử dụng các dẫn chứng, lý lẽ vô cùng thuyết phục và xác đáng làm tăng độ tin cậy cũng như sự vững chãi, tính chính nghĩa của luận đề.

"Nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác;

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương;

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,

Song hào kiệt thời nào cũng có

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong;

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Việc xưa xem xét, chứng cứ còn ghi"



Ở đoạn thứ hai, Nguyễn Trãi đi vào phân tích thực tiễn, tố cáo âm mưu tội ác của giặc Minh. Thứ nhất chúng lấy danh nghĩa phù Trần diệt Hồ để dẫn quân vào xâm lược nước ta.

"Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà  
Đề trong nước lòng dân oán hận  
Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ  
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh"

Thứ hai Nguyễn Trãi nêu ra những tội ác của giặc Minh gây ra cho dân tộc ta bao gồm tàn sát giết hại đồng bào một cách dã man, ra sức bóc lột thuế khóa, đàn áp vắt kiệt sức lao động, đẩy nhân dân ta vào chỗ nguy hiểm, dùng mọi thủ đoạn vơ vét tài nguyên sản vật, phá hoại tài nguyên cây cỏ, phá hoại cả nền nông nghiệp của nhân dân ta.

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.  
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế,  
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm.  
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,  
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.  
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.  
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.  
Vét sản vật, bắt dò chim sẻ, chôn chôn lưới chằng,  
Nhiều nhân dân, bắt hươu đen, nơi nơi cạm đặt.  
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,  
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.

Thằng há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán;

Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.

Nặng nề những nỗi phu phen,

Tan tác cả nghề canh cửi"

Mà tổng kết lại cho tội ác của giặc Nguyễn Trãi đã dùng hai câu "Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội/Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi", để diễn tả sự vô cùng, vô tận, sự bẩn thỉu, nhơ nhuốc của tội ác mà giặc Minh đã gây ra cho dân tộc Đại Việt.

Sang đoạn thứ 3, đầu tiên là đi vào tái hiện lại tài năng nhân phẩm và ý chí của chủ soái Lê Lợi.

"Núi Lam sơn dấy nghĩa

Chón hoang dã nương mình

Ngã thù lớn há đội trời chung

Căm giặc nước thề không cùng sống

Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.

Những trần trọc trong cơn mộng寐,

Chỉ bản khoán một nỗi đồ hồi

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,

Chính lúc quân thù đang mạnh"

Tiếp đến là kể lại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn qua nhiều giai đoạn, từ lúc khởi nghĩa còn non trẻ, nhiều khó khăn, thiếu thốn cả người tài giỏi, lẫn nhu yếu phẩm, lương thực vũ khí.

"Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,

Nhân tài như lá mùa thu,

...

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi Huyện quân không một đội."

Cho đến khi nghĩa quân khắc phục được khó khăn, tìm ra giải pháp, mở ra một con đường sáng cho cuộc khởi nghĩa nhờ ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết của quân dân, tướng sĩ một lòng.

"Trời thử lòng trao cho mệnh lớn

Ta gắng trí khắc phục gian nan.

...

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công"

Cuối cùng là trận phản công trước sự ngoan cố, âm mưu tiếp viện của nhà Minh, quyết định chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn, khiến Vương Thông phải xin hàng, tháo chạy về nước:

"Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng

...

Chẳng những mưu kế kì diệu

Cũng là chưa thấy xưa nay"

Đến phần thứ tư là phần tuyên bố thắng lợi, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc, tính chất chính nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ "Xã tắc từ đây vững bền/Giang sơn từ đây đổi mới". Sau cùng là rút ra bài học lịch sử cho dân tộc dựa trên tư tưởng mệnh trời, quy luật của tạo hóa trong ngũ hành, bát quái, Kinh dịch:

"Càn khôn bĩ rồi lại thái

Nhật nguyệt hồi rồi lại minh

...

Xa gần bá cáo,

Ai nấy đều hay."

Về mặt nghệ thuật, bài cáo là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và chất văn chương nghệ thuật. Yếu tố chính luận thể hiện ở kết cấu chặt chẽ của tác phẩm, đi từ luận đề chính nghĩa, rồi soi chân lý vào thực tiễn, vạch trần tội ác của kẻ thù, phân biệt rõ phải trái đúng sai, để làm nổi bật lên tính chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, rồi cuối cùng đưa ra lời kết luận, tuyên bố sự chiến thắng vẻ vang, hào hùng. Thứ hai nữa là lập luận sắc bén, lời văn đanh thép, hùng hồn. Bên cạnh yếu tố chính luận, thì chất văn chương nghệ thuật cũng được tác giả thể hiện nhuần nhuyễn trong tác phẩm, với lời văn rất giàu cảm xúc, xen lẫn giữa những đoạn thuật lại một cách khách quan, là những đoạn bộc lộ cảm xúc trực tiếp của tác giả (sự tức giận, phẫn nộ, oán hận trước tội ác của giặc Minh, sự tự hào, niềm vui trước chiến thắng của quân ta, cùng thái độ mỉa mai khinh nhờn trước thất bại của kẻ thù). Tiếp theo nữa là câu văn rất giàu hình tượng nghệ thuật sinh động tạo ra sức mạnh gợi cảm, gợi tả lớn (Độc ác thay trúc Nam Sơn không ghi hết tội/Đơ bần thay nước Đông Hải không rửa sạch mùi), đồng thời tác giả cũng vận dụng cả sự hiểu biết của mình về các điển tích điển cố, lịch sử để làm cho bài cáo thêm linh hoạt, hấp dẫn và trang trọng.

Bình Ngô đại cáo là một tác phẩm chính luận kiệt xuất, mang trong mình giá trị nội dung sâu sắc, giá trị lịch sử, chính trị, văn học lâu bền, có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc. Tác phẩm xứng đáng được người đời xưng tụng là áng thiên cổ hùng văn, là áng văn chính luận mẫu mực bậc nhất của nền văn học trung đại Việt Nam, khẳng định tài năng cũng như tư tưởng nhân nghĩa sâu sắc của tác gia Nguyễn Trãi.

### **Văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo mẫu 2**

Để lại cho đời một kho tàng văn học Việt Nam, những tác phẩm quý giá, đặc sắc cho nghệ thuật văn chương, khi nhắc đến Đại Cáo Bình Ngô, người đời lại nhớ đến văn hào—bậc đại anh hùng dân tộc đó là nhà thơ lớn Nguyễn Trãi.

Ông sinh năm 1380 mất năm 1442, hiệu làỨc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại sau dời về Nhị Khê. Thân sinh là Nguyễn Ứng Long- một nho sinh nghèo, học giỏi, đỗ



Tiến sĩ. Mẹ là Trần Thị Thái – Con quan tư đồ. Tuổi thơ của Nguyễn Trãi có rất nhiều tai ương và cực khổ song ông vẫn một lòng tận trung vì tổ quốc, điều đó đã trở thành truyền thống của gia đình ông: yêu nước, văn hóa và văn học, Và cũng vì lòng yêu nước ấy, khi khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, ông thừa lệnh Lê Lợi viết Đại Cáo Bình Ngô, từ đó ông đã gửi 1 phần đời của bản thân về tác phẩm ấy.

Cuối năm 1427 Nguyễn Trãi viết bài Cáo và đọc vào đầu 1428 trước toàn dân để báo với mọi người biết về sự việc chống Minh. Điều đó chứng tỏ chiến tranh đã kết thúc 20 năm đô hộ của giặc Minh và kết thúc 10 năm diệt thù của quân dân ta mà Nguyễn Trãi đã đề cập đến. Hơn thế nữa, sự việc ấy đã mở ra một kỉ nguyên mới, bắt đầu một cuộc sống độc lập hòa bình của dân tộc và đất nước Đại Việt.

Khi nói đến Cáo, Cáo là một thể văn nghị luận có từ thời cổ Trung Quốc, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương, một sự nghiệp, tuyên ngôn cho mọi người cùng biết, mang ý nghĩa như một sự kiện trọng đại, có tình chất quốc gia. Chính thế, tác phẩm Đại Cáo Bình Ngô của Nguyễn Trãi có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập.

Đại Cáo Bình Ngô mang ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập, thể hiện được luận đề của chính nghĩa là ở đây: tư tưởng nhân nghĩa theo quan niệm nho giáo, nó là mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người dựa trên cơ sở tình thương và đạo lí mà “cốt ở yêu dân” trong câu:

"Tùng nghe,  
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Từ đó, ta hiểu được Nguyễn Trãi đã khẳng định rằng: “lấy dân làm gốc, làm cho dân được sống yên lành hạnh phúc”. Nghệ thuật của ông đưa ra đó là biện pháp so sánh, câu văn bình ngẫu song đôi mang cốt cách của nhà chính trị tài ba.

Bài Cáo của Nguyễn Trãi đã vạch trần được tội ác của kẻ thù:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ  
Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế  
Nặng thuế khóa...  
Vét sản vật, bắt chim trả...”

Chỉ một vài tội ác như thế cũng đủ lên án bọn giặc Minh. Ý ở đây, Nguyễn Trãi đã sử dụng biện pháp nói lên tội ác tày trời của giặc Minh: Nghệ thuật phóng đại,

lấy cái vô hạn vô cùng của tự nhiên để nhấn mạnh cái vô hạn vô cùng của tội ác, hủy hoại cuộc sống của con người bằng cách diệt chủng.

Nếu như nói tội ác của giặc Minh là vô hạn thì nước Đại Việt ta nổi dậy có cuộc khởi nghĩa Lam Sơn để chống lại quân thù. Hình ảnh Lê Lợi là một co người tuy bình thường nhưng có ý tưởng hoài bão lớn lao cùng với sự đoàn kết một lòng của nhân dân ta đã làm nên sự tất thắng. Qua đó, ta thấy được hình tượng ngôn từ thật màu sắc, có âm thanh, nhịp điệu mang đặc điểm của bút pháp anh hùng ca, hình tượng phong phú đa dạng, đo bằng sự kì vĩ lớn rộng của thiên nhiên cùng với động từ mạnh, chuyển dồn dập, dữ dội động từ và tính từ chỉ mức độ, khi thế chiến thắng của ta, sự thất bại của địch, câu văn dài ngắn biến hóa linh hoạt.

Kết thúc chiến tranh, mở ra một kỉ nguyên hòa bình: giọng văn thư thái, nhẹ nhàng, hả hê và sự tuyên bố nền độc lập dân tộc được thông nhất, rút ra bài học kinh nghiệm cho dân ta và bài học “dạy bảo” cho địch, sự kết hợp tinh tế giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại “trên dưới một lòng”, quyết tâm của nhân dân xây dựng nền thái bình vững chắc.

Tóm lại. Đại Cáo Bình Ngô mạng nội dung trong quan niệm nho gia hầu như không có, đây là tư tưởng tiến bộ của chân lí khách quan về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của nước Đại Việt, ranh giới, địa phận – lãnh thổ, phong tục tập quán, có lịch sử riêng, chế độ riêng với nhân tài phong kiến, những thực tế khách quan mà Nguyễn Trãi đưa ra là chân lí không thể phủ nhận, lột tả tính chất tự nhiên, lâu đời của nước Đại Việt.

Trải qua bao cuộc đấu tranh cũng như những trang lịch sử được vạch ra, ý nghĩa nhất là cuộc khởi nghĩa Lam sơn chứng minh được tài ba của LÊ Lợi và văn hào Nguyễn Trãi. Ông là người có nỗi oan thảm khốc nhất trong lịch sử dân tộc, là một nhân vật lịch sử vĩ đại tiêu biểu trong quá khứ - một bậc đại anh hùng dân tộc – nhân vật toàn tài hiếm có. Từ Đại Cáo Bình Ngô, Nguyễn Trãi gợi tả bút pháp đặc sắc làm cho tôi cảm thấy tự hào, học hỏi được bởi lòng yêu nước, lòng đoàn kết của dân tộc ta qua bao nhiêu năm tháng kháng chiến giành độc lập. Nếu là người Việt Nam thì thật tiếc cho những ai đầu đội trời Việt Nam, chân đạp đất Việt Nam mà không biết đến nhà chính trị tài ba Nguyễn Trãi.

### **Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo Văn 10 hay nhất mẫu 3**

#### **1. Tác giả:**

Người ta tìm đến Nguyễn Trãi không chỉ bởi những áng văn bất hủ ông để lại cho đất nước mà còn để cảm phục 1 tư tưởng lớn, nhân cách lớn của dân tộc. Nguyễn

Trãi! một nhà quân sự tài ba, nhà chính trị lỗi lạc, tài năng hiếm có của văn học Việt nam, là niềm tự hào của những người con đất Việt.

Nguyễn Trãi hiệu làỨc Trai, sinh năm 1380 tại tỉnh Hải Dương trong một gia đình thuộc dòng dõi quý tộc. Thân phụ ông là Nguyễn Phi Khanh từng đỗ Thái học Sinh và làm quan cho nhà Hồ. Ông ngoại là Đại tư đồ Trần Nguyên Đán, một cái tên làm nên nhiều chiến tích trong lịch sử Việt Nam. Có lẽ được sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước nên trong tư tưởng của Nguyễn Trãi sớm có những quan niệm nhân sinh tích cực.

Nguyễn Trãi sống trong thời kì loạn lạc, tuy được sinh ra trong một gia đình quý tộc thế nhưng ông lại phải chịu khá nhiều long đong lận đận trong cuộc đời. Năm mới lên 5 tuổi, ông mồ côi mẹ, cái tuổi mà không thể thiếu đi hơi ấm tình thương của mẹ của tình mẫu tử thiêng liêng. Song với nỗ lực phấn đấu riêng của bản thân, và dưới sự dạy dỗ nghiêm khắc của ông ngoại và cha. Năm 1400 ông đỗ Thái học sinh và làm quan cho nhà Hồ. Tưởng rằng sau khi đỗ đạt công danh, Nguyễn Trãi có thể an tâm để thực hiện ao ước cống hiến cho dân cho nước của mình vậy mà do sự hạn chế của nhà nước phong kiến nhà Hồ, nhân dân đã nổi dậy, nhân cơ hội đó giặc Minh sang xâm lược nước ta vào năm 1407, Nhà hồ đại bại quân Minh áp giải cha con Hồ Quý Li về nước trong đó có Nguyễn Phi Khanh. Vì muốn làm tròn đạo hiếu, Nguyễn Trãi đã đi theo để phụng dưỡng cha. Nhưng người cha làm lên lịch sử đã không can tâm để cho con mình cúi đầu theo giặc mà khuyên con trở về báo thù. Có thể xem đây là cột mốc quan trọng đánh dấu bước trưởng thành của Nguyễn Trãi. Khi ông về nước thì bị bắt giữa ở Đông quan (Hà nội ngày nay) sau đó ông bỏ chôn tìm theo Lê Lợi. Mang trong mình nỗi thống khổ của một người dân mất nước, một vị quan thua trận, một trí sĩ yêu nước căm ghét giặc ngoại xâm, Nguyễn Trãi đã dâng lên Lê Lợi "Bình ngô sách" (Kế sách đánh đuổi giặc Minh) và trở thành quân sư số một của Lê Lợi. Không bao lâu sau, nghĩa quân thắng lợi. Lê Lợi lên làm vua, Nguyễn Trãi luôn được tin dùng. Nhưng ngao ngán thay cho cuộc đời Nguyễn Trãi, ngỡ tưởng rằng từ đây ông có thể thực hiện hoài bão của mình, nào ngờ đâu, tướng Trần Nguyễn Hãn bị nghi ngờ mưu phản, vua sai bắt tội phải nhảy sông tự vẫn, mặc cho những chiến công lớn lao cho triều Lê trước đó. Nguyễn Trãi không thể tránh khỏi bị vạ lây do quan hệ với vị tướng này. Rồi từ đó trong suốt 10 năm (1429-1439) ông chỉ được giữ chức nhàn quan không có thực quyền. Quá chán cảnh không được sử dụng hết tài năng, ông cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn. Sống hòa mình vào thiên nhiên đất trời. Bôn ba khắp thiên hạ trải qua nhiều chuyện thăng trầm, ông đã sớm nhận ra rằng nhà Trần mất nước là do chỉ biết sung sướng mà quên đi quan hệ thần dân vốn có, nhà Hồ mất nước là do đánh mất lòng dân

"Nhân họ Hồ chính sự phiền hà  
Đề trong nước lòng dân oán hận"

Cáo quan chưa được bao lâu thì năm 1440. Vua Lê Thái Tông lại vời ông ra việc nước vì trọng dụng nhân tài. Niềm vui vì được giúp dân giúp nước một lần nữa chưa kịp thực hiện thì vụ án oan Lê Chi Viên lại đổ ập xuống khiến gia đình ông bị khép vào tội tru di tam tộc, vụ án đã trở thành tám bi kịch lớn nhất trong cuộc đời Nguyễn Trãi khiến cho ông không còn thực hiện được hoài bão của mình. Chuyện kể lại rằng, đương khi ấy, Vua Lê Thái Tông nghỉ tại nhà Nguyễn Trãi một đêm thì đột ngột qua đời, đục nước béo cò, nhân cơ hội đó, bọn gian thần vu oan cho Nguyễn Trãi tội giết vua. Đây là án oan hiếm có trong lịch sử Việt Nam cho mãi đến năm 146, tức là hơn mấy chục năm sau, vua Lê Thánh Tông mới có thể giải oan cho ông

“Nguyễn Trãi là 1 tài năng lỗi lạc hiếm có” (trích SGK 10 nâng cao tập 2). Đúng như lời nhận xét này, ông là một con người vĩ đại đã được sinh ra trên mảnh đất hình chữ S xinh đẹp và hiền hòa này. Vua Lê Thánh Tông đã từng nói về Nguyễn Trãi:” Lòng Úc Trai tỏa rạng văn chương” Quả thật, dường như văn chương đã trở thành dòng máu vô hình nuôi dưỡng tâm hồn của Úc Trai. Trong ông, văn chương là sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa yêu nước, quyện thêm chút tươi trẻ, giàu sức sống của thiên nhiên. Và tất cả những điều ấy được thể hiện qua một bài cáo rất nổi tiếng mà đã được coi như là bản tuyên ngôn độc lập của Đại Việt ta. Đó chính là “Bình Ngô Đại Cáo”

## 2. Tác phẩm “Bình Ngô Đại Cáo”

Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là ánh văn bất hủ trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đề yêu cầu phân tích tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định là một “thiên cổ hùng văn”, tức là yêu cầu một sự phân tích theo hướng, không phải là sự phân tích chung chung. Vì vậy, cần làm rõ về hoàn cảnh sáng tác, bố cục, thể loại, chủ đề của tác phẩm khi phân tích.

### 1. Hoàn cảnh sáng tác:

Sau 10 năm kháng chiến gian khổ và quyết liệt, tháng 1 năm 1428, nhân dân ta dưới ngọn cờ của Lê Lợi, đã đánh đuổi giặc Minh ra khỏi đất nước. Sau chiến thắng, Lê Lợi tổ chức phong thưởng cho tướng lĩnh và chính thức lên ngôi hoàng đế. Nguyễn Trãi thay mặt nhà vua viết Bình Ngô đại cáo (Đại cáo bình Ngô) để tuyên bố cho toàn dân biết rõ công cuộc cứu nước, trải qua nhiều nguy nan đã thắng lợi, từ đây dân tộc bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên hoà bình, thông nhất.



## 2. Tựa đề:

Tác phẩm của Nguyễn Trãi có tên là Đại cáo bình Ngô, nghĩa là tuyên cáo rộng rãi về việc dẹp yên giặc Ngô. Tên Bình Ngô đại cáo là cách đảo lại tựa đề cho ngắn gọn, chứ chưa hẳn là dịch. Chữ Ngô ở đây là cách gọi của người Việt xưa đối với thế lực phong kiến phương bắc, với sắc thái coi khinh. Trong tác phẩm, quân Ngô chính là giặc Minh.

## 3. Thể loại:

- Bài văn được viết theo thể cáo, thể văn biền ngẫu, thường ra đời nhằm công bố sự kiện trọng đại của quốc gia hoặc sau một cuộc kháng chiến lâu dài. Đây là văn kiện chính luận, không phải lúc nào người ta cũng dùng.

- kiểu câu trong văn biền ngẫu: Tứ tự, bát tự, song quan, cách cú, gô hạc.

## 4. Bố cục:

- Phần 1 (từ đầu đến chứng cứ còn ghi): nêu chính nghĩa của cuộc kháng chiến.

- Phần 2 (Vừa rồi ... chịu được): Tô cáo tội ác của giặc Minh

Phần 3: thuật lại quá trình kháng chiến bao gồm hai đoạn nhỏ:

+ Tiểu đoạn 1 (Ta đây ... lấy ít địch nhiều): Lược thuật những chiến thắng vang dội của nghĩa quân Lam Sơn.

- Phần 4 (Xã tắc ... Ai nấy đều hay): Tuyên bố kết thúc chiến tranh mở ra kỷ nguyên hoà bình, khẳng định địa vị, tư thế của đất nước.

## 5. Phân tích:

### 5.1. Nêu lập trường chính nghĩa của cuộc kháng chiến:

- Tư tưởng nhân nghĩa:

Việc nhân dân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo

Lập lại luận điệu của quân Minh

Cuộc chiến của ta vì dân -> nội dung khác, cụ thể hơn (liên hệ)

Giải thích -> chiến đấu vì trừ bạo -> quân Minh, bọn tay sai.

=>Quan niệm nhân nghĩa ở Nguyễn Trãi không còn là quan niệm đạo đức hạn hẹp mà là một lý tưởng xã hội phải chăm lo cho dân được sống có hạnh phúc, yên bình.

- Từ cách độc lập của dân tộc.

+ Biểu hiện: tên đất nước, nền văn hoá riêng, bờ cõi, phong tục, nền chính trị, nhân tài.

=>Khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia (so với các tác phẩm trước Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ).

+ Giọng văn: Sảng khoái, tự hào.

+ Cách viết: câu văn biến ngẫu “Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần... Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên..”

-> Bình đẳng, ngang hàng (đế).

=>Cuộc chiến đấu của ta là chính nghĩa.

## 5.2. Tố cáo tội ác của giặc Minh:

- Liệt kê hàng loạt:

Khủng bố (thui sống, chôn sống), bóc lột (thuế mà: nặng thuế khoá; phu phen: những nỗi phu phen nay xây ma đập đất...; dâng nạp: dòng lưng mò ngọc, đãi cát tìm vàng, bắt dò chim trả, bắt bẫy hươu đen...; diệt sản xuất: tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ; diệt sự sống: Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng...

- Tội ác man rợ nhất của giặc Minh được miêu tả trong câu:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ.

Đây là hình ảnh vừa cụ thể, lại vừa khái quát như một lời cáo trạng, lời buộc tội.

=>Lột tả tội ác tày trời của giặc, làm rõ sự bất nhân phi nghĩa của bọn chúng. Đó cũng là lý do vì sao nhân dân ta phải kháng chiến.

## 5.3 Lược thuật cuộc kháng chiến:

### 5.3.1 Buổi đầu dựng cờ khởi nghĩa.

- Hình tượng trung tâm là anh hùng Lê Lợi (Ta đây).

+ Tập trung miêu tả về nội tâm: ngẫm, đau lòng nhức óc, nếm mật nằm gai, giận, suy xét, đắn đo, trằn trọc, băn khoăn.

=> Chân dung tâm trạng Lê Lợi: lòng yêu nước, căm thù giặc, quyết tâm cao, nung nấu nghiên ngẫm chí lớn, là người nhìn xa trông rộng.

+ Hình tượng Lê Lợi có sự gợi gắm tâm trạng của Nguyễn Trãi, của toàn dân -> chân thực, xúc động.

- Khó khăn trong buổi đầu kháng chiến:

+ Chênh lệch về lực lượng: ta yếu, địch mạnh.

+ Thiếu thốn về vật chất.

+ Hiếm nhân tài.

- Vì sao vượt qua được?

+ Ý chí, tâm lòng cầu hiền.

+ Có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, đánh bất ngờ, đánh nhanh.

+ Dựa vào sức mạnh nhân dân.

+ Lấy nhân nghĩa làm cơ sở.

- Giọng điệu: trầm lắng, suy tư.

### 5.3.2. Lược thuật chiến thắng:

- Diễn tả của trận đánh qua 3 bước

+ Phản công:

Bô Đằng – Trà Lân -> bất ngờ; câu văn ngắn, chắc, hình ảnh bất ngờ: Sấm vang chớp giạt,

Trúc chẻ tro bay.

Giặc: sợ hãi.

+Tiền công:

Tây Kinh, Đông Đô -> nơi đầu lão của giặc.

Trận chiến ác liệt -> hình ảnh máu chảy thành sông, thây chất đầy nội, giặc thất bại thảm

Mưu phạt tâm công dùng ngọn cờ chính nghĩa, dùng mưu trí và thu phục lòng người.

+ Đánh quân cầu viện:

Giặc tiến sang râm rộ (câu văn dài) 2 mũi tiền công từ Khâu Ôn và Vân Nam.

Ta: đánh bất ngờ, dứt khoát: chặt, tuyệt.

Nhịp văn ngắt bất ngờ.

Liệt kê -> chiến thắng dồn dập.

Hình ảnh đối lập giữa ta và giặc.

=> Khắc hoạ sự thất bại thảm hại của kẻ thù và sức mạnh, khí thế của quân ta.

Giọng điệu: sáng khoái, hào hùng khi khắc hoạ tư thế của người chiến thắng.

- Thái độ nhân nghĩa yêu chuộng hoà bình:

Giọng văn chậm rãi, khoan thai.

Tha chết cho kẻ thù, cấp ngựa và thuyền để về nước.

Muốn nhân dân nghỉ sức.

Tính kể lâu dài.

5.4 Tuyên bố hoà bình:

- Giọng văn hả hê, vui mừng tin tưởng vào hoà bình lâu dài (Giang sơn từ đây đổi mới... Ngàn thu vết nhọc nhã sạch lầu).



- Một loạt các từ tả vũ trụ -> cảm hứng độc lập dân tộc được nâng lên gắn liền với cảm hứng vũ trụ bao la vĩnh hằng. Mặt khác thể hiện ý thức về sự thiêng liêng tôn kính lịch sử.

#### 6. Chủ đề:

Bình Ngô đại cáo là bản tổng kết về cuộc kháng chiến vĩ đại, nêu cao lòng tự hào, niềm hân hoan vô hạn trước thắng lợi của chính nghĩa, ca ngợi tài năng lãnh đạo và khí phách hào hùng của dân tộc.

#### 7. Kết luận:

- Bình Ngô đại cáo tràn ngập nguồn cảm hứng trữ tình và mang tính chất hào hùng hiếm có nên được mãi mãi là thiên cổ hùng văn.

- Bài cáo thể hiện năng lực cấu trúc tác phẩm nghệ thuật đạt đến trình độ hoàn chỉnh năng lực duy hình tượng sắc sảo, biến hoá, hấp dẫn phù hợp với cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.

### **Bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh về Nguyễn Trãi và Bình Ngô Đại Cáo mẫu 4**

Nguyễn Trãi, hiệu là Úc Trai, 1380–1442, là đại thần nhà Hậu Lê, một nhà văn chữ Nôm. Ông được xem là một anh hùng dân tộc của Việt Nam, một danh nhân văn hóa thế giới.

Nguyễn Trãi, sinh ở Thăng Long trong gia đình ông ngoại là quan Đại tư đồ Trần Nguyên Đán. Cha ông là Nguyễn ứng Long, hiệu úc Trai (tức là Nguyễn Phi Khanh). Mẹ ông là Trần Thị Thái, con gái Trần Nguyên Đán.

Quê gốc Nguyễn Trãi là làng Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhưng sinh ra ở Thăng Long trong dinh ông ngoại là quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, về sau dời về sống ở làng Ngọc Ổi, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Ông là con trai của Nguyễn Phi Khanh (trước đây có tên là Nguyễn Ứng Long), vốn là học trò nghèo thi đỗ thái học sinh và bà Trần Thị Thái - con quan Tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quý tộc nhà Trần.

Năm Nguyễn Trãi lên 5 tuổi, mẹ ông mất. Sau đó không lâu, Trần Nguyên Đán cũng mất. Ông về ở với cha tại quê nội ở làng Nhị Khê.

Năm 1400, để cứu văn chế độ phong kiến đang khủng hoảng trầm trọng, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần và tiếp tục thi hành các cải cách như chính sách hạn nô, hạn điền, tổ chức lại giáo dục, thi cử và y tế.

Cũng năm 1400, sau khi lên ngôi Vua, Hồ Quý Ly mở khoa thi. Nguyễn Trãi ra thi, ông đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm ông 20 tuổi. Hồ Quý Ly cử ông giữ chức Ngự sử đài chánh chương. Còn cha ông là Nguyễn Phi Khanh đỗ bảng nhãn từ năm 1374, được Hồ Quý Ly cử giữ chức Đại lý tự khanh Thị lang tòa trung thư kiêm Hàn lâm Viện học sĩ tư nghiệp Quốc Tử Giám.

Năm 1406, Minh Thành Tổ sai Trương Phụ mang quân sang xâm lược Việt Nam. Nhà Hồ đem quân ra chống cự, nhưng bị đánh bại. Cha con Hồ Quý Ly và một số triều thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh bị bắt và bị đưa về Trung Quốc.

Nghe tin cha bị bắt, Nguyễn Trãi cùng em là Nguyễn Phi Hùng khóc theo lên tận cửa Nam Quan với ý định sang bên kia biên giới để hầu hạ cha già trong lúc bị cầm tù.

Nhân lúc vắng vẻ, Nguyễn Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi:

- Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lộ là cứ phải đi theo cha, khóc lóc như đàn bà mới là hiếu hay sao?

Nguyễn Trãi nghe lời cha quay trở lại tìm con đường đánh giặc, cứu nước.

Về đến Thăng Long, ông bị quân Minh bắt. Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc biết Nguyễn Trãi là một nhân vật có tài, tìm cách dụ dỗ, nhưng ông kiên quyết không theo giặc.

Sau một thời gian bị giam lỏng ở Đông Quan (tức Thăng Long), Nguyễn Trãi vượt được vòng vây của giặc vào Thanh Hóa theo Lê Lợi. Ông gặp vị thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn ở Lỗi Giang. Ông trao cho Lê Lợi bản chiến lược đánh đuổi quân Minh mà sử sách Việt Nam gọi là Bình Ngô sách.

Trong bài tựa ức Trai di tập, Ngô Thế Vinh cho biết: Bình Ngô sách "hiển mưu trước lớn không nói đến việc đánh thành, mà lại khéo nói đến việc đánh vào lòng người".

Lê Lợi khen chiến lược của Nguyễn Trãi là đúng. Và ông đã vận dụng chiến lược này để đánh quân Minh. Từ đây, ông thường giữ Nguyễn Trãi gần bên mình để cùng bàn mưu tính kế đánh quân Minh.

Cuối năm 1426, Lê Lợi lập bản doanh ở bên Bồ Đề (Gia Lâm). Tại đây, ông cho dựng một cái chòi cao ngang bằng tháp Báo Thiên ở Đông Quan. Lê Lợi ngồi tầng

thứ nhất của chòi, Nguyễn Trãi ngồi tầng thứ hai. Hai nhân vật luôn luôn trao đổi ý kiến với nhau.

Trong kháng chiến, Nguyễn Trãi chủ trương phải dựa vào dân thì mới đánh được giặc, cứu được nước. Khi kháng chiến đã thắng lợi, ông cũng thấy rằng phải lo đến dân, thì mới xây dựng được đất nước. Trong tờ biểu tạ ơn được cử giữ chức Giám nghị đại phu tri tam quân sự, ông đã viết: "Chí những muốn, việc cố nhân đã muốn: để tâm dân chúng, mình lo trước điều thiên hạ phải lo".

Năm 1437, khi vua Lê Thái Tông cử ông định ra lễ nhạc, ông cũng nói cho vua biết những điều mà vua phải làm trước hết là chăn nuôi nhân dân:

- Dám mong Bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân khiến cho trong thôn cùng xóm vắng, không có một tiếng hờn giận oán sầu. Đó tức là giữ được cái gốc của nhạc.

Do luôn luôn "lo trước điều thiên hạ phải lo, vui sau cái vui của thiên hạ", Nguyễn Trãi lúc nào cũng sống một cuộc đời giản dị, cần kiệm liêm chính. Nhà của ông ở Đông Kinh (Thăng Long) chỉ là một túp nhà tranh (góc thành Nam lều một gian). Khi ông cai quản công việc quân dân ở hải đảo Đông Bắc, nhà của ông ở Côn Sơn "bốn mặt trông trái, xác xơ chỉ có sách là giàu thôi" (thơ Nguyễn Mộng Tuân, bạn Nguyễn Trãi).

Bài Bình Ngô đại cáo của ông là một "thiên cổ hùng văn". Đó là một thiên anh hùng ca bất hủ của dân tộc.

Quân trung từ mệnh tập của Nguyễn Trãi là những thư từ do ông viết trong việc giao thiệp với quân Minh. Những thư này là những tài liệu cụ thể chứng minh đường lối ngoại giao vào địch vận hết sức khéo léo của Lê Lợi và Nguyễn Trãi làm cho quân Lam Sơn không mất xương máu mà hạ được rất nhiều thành.

Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi là tác phẩm xưa nhất bằng Việt ngữ mà chúng ta còn giữ được. Tác phẩm này rất quan trọng cho công tác nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam và lịch sử ngôn ngữ Việt Nam.

Năm 1442, cả gia đình ông bị hãm hại (tru di tam tộc) khiến cho người đương thời vô cùng thương tiếc.

Năm 1464, vua Lê Thánh Tông hạ chiếu minh oan cho Nguyễn Trãi, truy tặng quan tước và tìm hỏi con cháu còn sót lại.

Nguyễn Trãi là một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. ông là anh hùng dân tộc, là nhà tư tưởng, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của nước ta. Tâm hồn và sự nghiệp của ông mãi mãi là vì sao sáng như Lê Thánh Tông truy tặng "Ức Trai tâm thượng quang Khuê Tảo".